TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 116/2025/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 03 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 02/2025/HNST ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Dương Thanh L, sinh năm: 1999

Địa chỉ thường trú: Ấp M, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ tạm trú: Đường S, Khu phố M, phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Văn L1, sinh năm: 1997

Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ tạm trú: Đường S, Khu phố M, phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn L1 và bà Nguyễn Dương Thanh L được xác lập vào năm 2020, có đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự hiện nay đang cư trú tại Quận B và nay có đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, nên đây là việc thuận tình ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7. Theo quy định của Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Khoản 2 Điều 29; Điều 35; Điểm h, Khoản 2, Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình giải quyết việc dân sự các đương sự thống nhất trình bày:

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do nhiều lần vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, vợ thiếu trách nhiệm với gia đình. Cả hai đã cùng nhau khắc phục, sửa chữa nhưng kết quả không thành, không còn tiếng nói chung và không có khả năng hàn gắn gia đình, mục đích hôn nhân không được đạt được nên các đương sự yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung:

Trong quá trình chung sống ông Lê Văn L1 và bà Nguyễn Dương Thanh L xác nhận có 01 (một) con chung, họ tên là Lê Nguyễn Minh A (nam), sinh ngày 10/03/2022.

Các đương sự thỏa thuận sau khi ly hôn bà Nguyễn Dương Thanh L sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Lê Nguyễn Minh A (nam), sinh ngày 10/03/2022. Ông Lê Văn L1 cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 (ba triệu) đồng/01 tháng.

Thi hành vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ ngày 01/3/2025 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông Lê Văn L1 được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông Lê Văn L1 chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

Xét việc thỏa thuận nuôi con chung của các đương sự không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về quan hệ nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Dương Thanh L và ông Lê Văn L1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 73 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 24/11/2020 không còn giá trị pháp lý).

- Về quan hệ con chung: Các đương sự xác nhận có 01 (một) người con chung họ tên là Lê Nguyễn Minh A (nam), sinh ngày 10/03/2022.

Giao con chung cho bà Nguyễn Dương Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Lê Văn L1 cấp dưỡng 3.000.000 (ba triệu) đồng/01 tháng.

Thi hành vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ ngày 01/3/2025 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông Lê Văn L1 được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông Lê Văn L1 chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0037007 ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Văn L1 và bà Nguyễn Dương Thanh L đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (TK. Vân Anh).

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Đào Lê Anh

TAND QUẬN 7

3NA030325.TL.QDBA.116